Bách khoa Hà Nội dự báo khoảng điểm chuẩn trúng tuyển đại học hệ chính quy 2021

Thời gian: 21-09-2021

Trường ĐH Bách khoa Hà Nội vừa công bố khoảng điểm chuẩn xét tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo đại học chính quy của trường năm 2021 theo điểm thi tốt nghiệp THPT. Khoảng điểm chuẩn dự kiến từ 23 điểm.

TT: 1, Mã XT: BF1, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Sinh học, Điểm chuẩn 2019: 23.4, Điểm chuẩn 2020: 26.2, Dự báo năm 2021: 25-26.5

TT: 2, Mã XT: BF2, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Thực phẩm, Điểm chuẩn 2019: 24, Điểm chuẩn 2020: 26.6, Dự báo năm 2021: 25-26.5

TT: 3, Mã XT: BF-E12, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Thực phẩm (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 23, Điểm chuẩn 2020: 25.94, Dự báo năm 2021: 23.5-25

TT: 4, Mã XT: CH1, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Hoá học, Điểm chuẩn 2019: 22.3, Điểm chuẩn 2020: 25.26, Dự báo năm 2021: 23.5-25

TT: 5, Mã XT: CH2, Tên ngành/CTĐT: Hoá học, Điểm chuẩn 2019: 21.1, Điểm chuẩn 2020: 24.16, Dự báo năm 2021: 23-24.5

TT: 6, Mã XT: CH3, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật in, Điểm chuẩn 2019: 21.1, Điểm chuẩn 2020: 24.51, Dự báo năm 2021: 23-24.5

TT: 7, Mã XT: CH-E11, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Hóa dược (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 23.1, Điểm chuẩn 2020: 25.94, Dự báo năm 2021: 26-27.5

TT: 8, Mã XT: ED2, Tên ngành/CTĐT: Công nghệ giáo dục, Điểm chuẩn 2019: 20.6, Điểm chuẩn 2020: 23.8, Dự báo năm 2021: 23.5-25

TT: 9, Mã XT: EE1, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Điện, Điểm chuẩn 2019: 24.28, Điểm chuẩn 2020: 27.1, Dự báo năm 2021: 25.5-27

TT: 10, Mã XT: EE2, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa, Điểm chuẩn 2019: 26.05, Điểm chuẩn 2020: 28, Dự báo năm 2021: 26.5-28

TT: 11, Mã XT: EE-E8, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa và Hệ thống điện (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 25.2, Điểm chuẩn 2020: 27.3, Dự báo năm 2021: Trống

TT: 12, Mã XT: EE-E8, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Điều khiển - Tự động hóa (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: Trống, Điểm chuẩn 2020: Trống, Dự báo năm 2021: 26.5-28

TT: 13, Mã XT: EE-E18, Tên ngành/CTĐT: Hệ thống điện và năng lượng tái tạo (CT Tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: Trống, Điểm chuẩn 2020: Trống, Dự báo năm 2021: 24.5-26

TT: 14, Mã XT: EE-EP, Tên ngành/CTĐT: Tin học công nghiệp và Tự động hóa (Chương trình Việt-Pháp PFIEV), Điểm chuẩn 2019: Trống, Điểm chuẩn 2020: 25.68, Dự báo năm 2021: 24.5-26

TT: 14, Mã XT: EM1, Tên ngành/CTĐT: Kinh tế công nghiệp, Điểm chuẩn 2019: 21.9, Điểm chuẩn 2020: 24.65, Dự báo năm 2021: 25 - 26.

TT: 15, Mã XT: EM2, Tên ngành/CTĐT: Quản lý công nghiệp, Điểm chuẩn 2019: 22.3, Điểm chuẩn 2020: 25.05, Dự báo năm 2021: 24.5 - 26.

TT: 16, Mã XT: EM3, Tên ngành/CTĐT: Quản trị kinh doanh, Điểm chuẩn 2019: 23.3, Điểm chuẩn 2020: 25.75, Dự báo năm 2021: 25.5 - 27.

TT: 17, Mã XT: EM4, Tên ngành/CTĐT: Kế toán, Điểm chuẩn 2019: 22.6, Điểm chuẩn 2020: 25.3, Dự báo năm 2021: 25 - 26.5.

TT: 18, Mã XT: EM5, Tên ngành/CTĐT: Tài chính - Ngân hàng, Điểm chuẩn 2019: 22.5, Điểm chuẩn 2020: 25.2, Dự báo năm 2021: 25 - 26.5.

TT: 19, Mã XT: EM-E13, Tên ngành/CTĐT: Phân tích kinh doanh (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 22, Điểm chuẩn 2020: 25.75, Dự báo năm 2021: 25 - 26.5.

TT: 20, Mã XT: EM-E14, Tên ngành/CTĐT: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 23, Điểm chuẩn 2020: 25.85, Dự báo năm 2021: 26 - 27.5.

TT: 21, Mã XT: ET1, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông, Điểm chuẩn 2019: 24.8, Điểm chuẩn 2020: 27.3, Dự báo năm 2021: 26 - 27.5.

TT: 22, Mã XT: ET-E4, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 24.4, Điểm chuẩn 2020: 27.15, Dự báo năm 2021: 26 - 27.5.

TT: 23, Mã XT: ET-E5, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Y sinh (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 24.1, Điểm chuẩn 2020: 26.3, Dự báo năm 2021: 25.5 - 27.

TT: 24, Mã XT: ET-E9, Tên ngành/CTĐT: Hệ thống nhúng thông minh và IoT (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 24.95, Điểm chuẩn 2020: 27.51, Dự báo năm 2021: 26 - 27.5.

TT: 25, Mã XT: ET-E16, Tên ngành/CTĐT: Truyền thông số và Kỹ thuật đa phương tiện (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 24.5, Điểm chuẩn 2020: 26.85, Dự báo năm 2021: 25.5 - 27.

TT: 26, Mã XT: ET-LUH, Tên ngành/CTĐT: Điện tử - Viễn thông - hợp tác với ĐH Leibniz Hannover (Đức), Điểm chuẩn 2019: 20.03, Điểm chuẩn 2020: 23.85, Dự báo năm 2021: 23.5 - 25.

TT: 27, Mã XT: EV1, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Môi trường, Điểm chuẩn 2019: 20.2, Điểm chuẩn 2020: 23.85, Dự báo năm 2021: 23 - 24.5.

TT: 28, Mã XT: EV2, Tên ngành/CTĐT: Quản lý tài nguyên và môi trường, Điểm chuẩn 2019: 20.6, Điểm chuẩn 2020: 23.3, Dự báo năm 2021: 23 - 24.5.

TT: 29, Mã XT: FL1, Tên ngành/CTĐT: Tiếng Anh KHKTT và Công nghệ, Điểm chuẩn 2019: 22.6, Điểm chuẩn 2020: 24.1, Dự báo năm 2021: 25.5 - 27.

TT: 30, Mã XT: FL2, Tên ngành/CTĐT: Tiếng Anh chuyên nghiệp quốc tế, Điểm chuẩn 2019: 23.2, Điểm chuẩn 2020: 24.1, Dự báo năm 2021: 26-27.5.

TT: 31, Mã XT: HE1, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Nhiệt, Điểm chuẩn 2019: 22.3, Điểm chuẩn 2020: 25.8, Dự báo năm 2021: 23-24.

TT: 32; Mã XT: IT1, Tên ngành/CTĐT: CNTT: Khoa học Máy tính, Điểm chuẩn 2019: 27,42, Điểm chuẩn 2020: 29,04, Dự báo năm 2021: 27,5 - 29

TT: 33; Mã XT: IT2, Tên ngành/CTĐT: CNTT: Kỹ thuật Máy tính, Điểm chuẩn 2019: 26,85, Điểm chuẩn 2020: 28,65, Dự báo năm 2021: 27 - 28,5

TT: 34; Mã XT: IT-E10, Tên ngành/CTĐT: Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 27, Điểm chuẩn 2020: 28,65, Dự báo năm 2021: 27 - 28,5

TT: 35; Mã XT: IT-E15, Tên ngành/CTĐT: An toàn không gian số - Cyber security (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: Trống, Điểm chuẩn 2020: Trống, Dự báo năm 2021: 26,5 - 28

TT: 36; Mã XT: IT-E6, Tên ngành/CTĐT: Công nghệ thông tin (Việt - Nhật), Điểm chuẩn 2019: 25,7, Điểm chuẩn 2020: 27,98, Dự báo năm 2021: 26,5 - 28

TT: 37; Mã XT: IT-E7, Tên ngành/CTĐT: Công nghệ thông tin (Global ICT), Điểm chuẩn 2019: 26, Điểm chuẩn 2020: 28,38, Dự báo năm 2021: 27 - 28,5

TT: 38; Mã XT: IT-EP, Tên ngành/CTĐT: Công nghệ thông tin (Việt - Pháp), Điểm chuẩn 2019: 25,7, Điểm chuẩn 2020: 27,24, Dự báo năm 2021: 26 - 27,5

TT: 39; Mã XT: ME1, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Cơ điện tử, Điểm chuẩn 2019: 25,4, Điểm chuẩn 2020: 27,48, Dự báo năm 2021: 26 - 27,5

TT: 40; Mã XT: ME2, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Cơ khí, Điểm chuẩn 2019: 23,86, Điểm chuẩn 2020: 26,51, Dự báo năm 2021: 25 - 26,5

TT: 41; Mã XT: ME-E1, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Cơ điện tử (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 24,06, Điểm chuẩn 2020: 26,62, Dự báo năm 2021: 25 - 26,5

TT: 42; Mã XT: ME-GU, Tên ngành/CTĐT: Cơ khí - Chế tạo máy - hợp tác với ĐH Griffith (Úc), Điểm chuẩn 2019: 21,2, Điểm chuẩn 2020: 23,9, Dự báo năm 2021: 23,5 - 25

TT: 43; Mã XT: ME-LUH, Tên ngành/CTĐT: Cơ điện tử - hợp tác với ĐH Leibniz Hannover (Đức), Điểm chuẩn 2019: 20,5, Điểm chuẩn 2020: 24, Dự báo năm 2021: 23,5 - 25

TT: 44; Mã XT: ME-NUT, Tên ngành/CTĐT: Cơ điện tử - hợp tác với ĐHCN Nagaoka (Nhật Bản), Điểm chuẩn 2019: 22,15, Điểm chuẩn 2020: 24,5, Dự báo năm 2021: 23 - 24,5

TT: 45; Mã XT: MI1, Tên ngành/CTĐT: Toán - Tin, Điểm chuẩn 2019: 25,6, Điểm chuẩn 2020: 27,5, Dự báo năm 2021: 26,5 - 27,5

TT: 46; Mã XT: MI2, Tên ngành/CTĐT: Hệ thống thông tin quản lý, Điểm chuẩn 2019: 24,8, Điểm chuẩn 2020: 27, Dự báo năm 2021: 26 – 27,5

TT: 47; Mã XT: MS1, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Vật liệu, Điểm chuẩn 2019: 21,4, Điểm chuẩn 2020: 25,18, Dự báo năm 2021: 23 - 24,5

TT: 48; Mã XT: MS-E3, Tên ngành/CTĐT: KHKT Vật liệu (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 21,6, Điểm chuẩn 2020: 23,18, Dự báo năm 2021: 23 - 24,5

TT: 49; Mã XT: PH1, Tên ngành/CTĐT: Vật lý kỹ thuật, Điểm chuẩn 2019: 22,1, Điểm chuẩn 2020: 26,18, Dự báo năm 2021: 24,5 - 26,5

TT: 50; Mã XT: PH2, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật hạt nhân, Điểm chuẩn 2019: 20,2, Điểm chuẩn 2020: 24,18, Dự báo năm 2021: 24 - 25,5

TT: 51; Mã XT: PH3, Tên ngành/CTĐT: Vật lý y khoa, Điểm chuẩn 2019: Trống, Điểm chuẩn 2020: Trống, Dự báo năm 2021: 23,5 - 25

TT: 52; Mã XT: TE1, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Ô tô, Điểm chuẩn 2019: 25,05, Điểm chuẩn 2020: 27,33, Dự báo năm 2021: 26,5 - 28

TT: 53; Mã XT: TE2, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Cơ khí động lực, Điểm chuẩn 2019: 23,7, Điểm chuẩn 2020: 26,2, Dự báo năm 2021: 25,5 - 27

TT: 54; Mã XT: TE3, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Hàng không, Điểm chuẩn 2019: 24,7, Điểm chuẩn 2020: 26,4, Dự báo năm 2021: 26 - 27,5

TT: 55; Mã XT: TE-E2, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Ô tô (CT tiên tiến), Điểm chuẩn 2019: 24,23, Điểm chuẩn 2020: 26,33, Dự báo năm 2021: 25,5 - 27

TT: 56; Mã XT: TE-EP, Tên ngành/CTĐT: Cơ khí hàng không (Chương trình Việt - Pháp PFIEV), Điểm chuẩn 2019: Trống, Điểm chuẩn 2020: 23,88, Dự báo năm 2021: 24 - 25,5

TT: 57; Mã XT: TROY-BA, Tên ngành/CTĐT: Quản trị kinh doanh - hợp tác với ĐH Troy (Hoa Kỳ), Điểm chuẩn 2019: 20,2, Điểm chuẩn 2020: 22,5, Dự báo năm 2021: 24 - 25,5

TT: 58; Mã XT: TROY-IT, Tên ngành/CTĐT: Khoa học máy tính - hợp tác với ĐH Troy (Hoa Kỳ), Điểm chuẩn 2019: 20,0, Điểm chuẩn 2020: 25, Dự báo năm 2021: 25 - 26,5

TT: 59; Mã XT: TX1, Tên ngành/CTĐT: Kỹ thuật Dệt - May, Điểm chuẩn 2019: 21,88, Điểm chuẩn 2020: 23,04, Dự báo năm 2021: 23 - 24,5

Ngày 22/8/2021, Đại học Bách khoa Hà Nội đã đưa ra dự báo khoảng điểm chuẩn xét tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo đại học chính quy của Trường năm 2021 theo điểm thi tốt nghiệp THPT là từ 23 điểm.Khoa học máy tính IT1 vẫn được dự báo mức điểm có thể lên tới 27,5 – 29 điểm.

Đây là mức điểm xét tuyển của thí sinh, được tính theo công thức của Trường, đã bao gồm điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Năm 2021, trường Đại học Bách Khoa Hà Nội xét tuyển theo các phương thức, với xét tuyển tài năng từ 15-20% tổng chỉ tiêu, gồm các phương thức (a) xét tuyển thẳng học sinh giỏi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; (b) xét tuyển thẳng dựa trên các chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-Level và IELTS và (c) xét hồ sơ năng lực kết hợp phỏng vấn. Hiện đã có gần 1.000 thí sinh đã xác nhận nhập học vào Trường Đại học Bách khoa Hà Nội theo diện xét tuyển tài năng.

Với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT, Trường tuyển 80 - 85% tổng chỉ tiêu. Điều kiện tham gia phương thức xét tuyển này: Thí sinh có điểm trung bình 6 học kỳ của mỗi môn học ở bậc THPT trong tổ hợp môn xét tuyển đạt từ 7.0 trở lên.

Điểm xét từng ngành/chương trình đào tạo được xác định theo tổng điểm thi 03 môn thi của một trong các tổ hợp: A00, A01, A02, B00, D01, D07, D26, D28 và D29 (có tính hệ số môn chính ở một số ngành và điểm cộng ưu tiên theo quy định của Bộ GDĐT). Các tổ hợp A02 (Toán-Lý-Sinh), D26 (Toán-Lý-Tiếng Đức), D28 (Toán-Lý-Tiếng Nhật) và D29 (Toán-Lý-Tiếng Pháp) được sử dụng để xét tuyển vào một số ngành đặc thù của trường.

Đối với hình thức xét tuyển theo điểm thi, thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS (Academic) từ 5.0 trở lên hoặc tương đương có thể được quy đổi điểm thay cho điểm thi môn tiếng Anh để xét tuyển vào các ngành/chương trình có tổ hợp xét tuyển A01, D07 và D01. Từ 23/8/2021 đến 31/8/2021, Nhà trường sẽ mở đăng ký quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh đợt 2.

Trong thời gian từ 29/8/2021 đến 17 giờ ngày 05/9/2021: Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cách tính điểm xét tuyển như sau:

- Với tổ hợp môn **không có môn chính**:

Điểm xét = [(Môn 1 + Môn 2 + Môn 3)] + Điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng).

- Với tổ hợp môn **có môn chính**:

Điểm xét = [(Môn 1 + Môn 2 + Môn 3 + Môn chính) x 3/4] + Điểm ưu tiên (khu vực, đối tượng).

Chỉ tiêu và mã tổ hợp xét tuyển theo phương thức xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2021 xem [**TẠI ĐÂY**](https://ts.hust.edu.vn/tin-tuc/bach-khoa-ha-noi-cong-bo-muc-diem-nhan-ho-so-xet-tuyen-nam-2021)

Thí sinh cần tư vấn liên hệ **Phòng Tuyển sinh**

Toà nhà C1B - ĐH Bách khoa HN​

Điện thoại: 02438683408​ - 084 868 3408

Email: tuyensinh@hust.edu.vn​

Facebook: <https://www.facebook.com/tsdhbk>

Website: [ts.hust.edu.vn​](https://ts.hust.edu.vn/)